

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày 31 tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch hành động số 01-KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 24/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Chiến lược dữ liệu tỉnh Lào Cai đến năm 2030; Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2035;

Thực hiện Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2026, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Trung ương và của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trọng tâm là Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 01-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh Lào Cai.

- Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số năm 2026, làm cơ sở để các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

- Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện gắn với vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm hợp nhất, đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu số sau sắp xếp tổ chức bộ máy, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

- Đưa chuyển đổi số trở thành động lực quan trọng thúc đẩy cải cách hành chính, đổi mới phương thức quản trị nhà nước, phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2026.

2. Yêu cầu

- Nội dung Kế hoạch phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ được Trung ương và Tỉnh ủy giao; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, dữ liệu số và cải cách hành chính của tỉnh.
- Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, sản phẩm đầu ra cụ thể, lộ trình thực hiện rõ ràng, bảo đảm thiết thực, khả thi; tránh dàn trải, trùng lặp, hình thức.
- Phân công rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chuyển đổi số.
- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành, địa phương; tăng cường chia sẻ, kết nối, khai thác dữ liệu và sử dụng các nền tảng số dùng chung, hạ tầng số dùng chung của tỉnh và quốc gia.
- Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu chuyển đổi số năm 2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tập trung chuyển đổi số toàn diện, trọng tâm phục vụ vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp bảo đảm hợp nhất hạ tầng số, nền tảng số và cơ sở dữ liệu thống nhất, đồng bộ, an toàn và hiệu quả.
- Chuyển đổi số phải trở thành động lực quan trọng thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản trị của chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.
- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về kỹ năng số cộng đồng; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến; hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; quản trị nhà nước dựa trên dữ liệu; ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh và đời sống; xây dựng môi trường số an toàn, tin cậy; hình thành dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Các mục tiêu cụ thể

(Có Phụ lục số 01 kèm theo)

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Rà soát, kiện toàn và Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh bảo đảm hoạt động thường xuyên, hiệu quả.
- Ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số năm 2026; duy trì nghiêm chế độ họp đánh giá, kiểm đếm tiến độ, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số đã đề ra; xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; gắn trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức phụ trách nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

- Tham mưu ban hành các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động; xây dựng ban hành các đề án, chương trình, kế hoạch, đề án lớn về chuyển đổi số năm 2026 và giai đoạn 2026-2030.

- Ban hành khung kiến trúc số, các quy chế, quy định quản lý vận hành các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm để đảm bảo việc vận hành, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đảm bảo đúng quy định, đạt hiệu quả.

- Xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số theo các trụ cột, các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội.

3. Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số và nền tảng số

- Xây dựng, hoàn thiện quy hoạch chuyển đổi số tích hợp trong quy hoạch tỉnh; xây dựng và triển khai kế hoạch mở rộng phủ sóng băng rộng cố định, di động 4G, 5G, kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); khai thác sử dụng hạ tầng số dùng chung quốc gia (Mạng TSLCD, Trung tâm dữ liệu quốc gia). Đầu tư nâng cấp hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin của bộ máy các cấp; các hệ thống lớn của tỉnh (Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh; Trung tâm dữ liệu tỉnh).

- Số hóa, cập nhật, khai thác sử dụng các CSDL quốc gia theo phân cấp, phân quyền; chỉ đạo xây dựng các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành thuộc phạm vi, thẩm quyền của tỉnh; thực hiện kết nối, liên thông giữa các CSDL để khai thác, sử dụng đạt hiệu quả. Xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng các nền tảng dùng chung của tỉnh như: Kho dữ liệu dùng chung; Cổng dữ liệu mở tỉnh; nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành; nền tảng chính quyền số; ứng dụng công dân số tỉnh; Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh; Hệ thống thông tin nguồn tỉnh;...

4. Xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số

- Xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh; khai thác dữ liệu từ kho dữ liệu, các CSDL và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả xử lý, giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức các cấp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và đưa vào vận hành Cổng dữ liệu mở để cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết TTHC đảm bảo liên thông, thông suốt phục vụ tốt nhất nhu cầu giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp; tiếp tục tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC gắn với số hóa và tái sử dụng dữ liệu, bảo đảm 100% TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

- Triển khai các ứng dụng công nghệ số trong các ngành kinh tế chủ lực (nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, kinh tế cửa khẩu), hoàn thành triển khai và đưa vào

vận hành mô hình cửa khẩu thông minh tại cửa khẩu đường bộ Kim Thành; hỗ trợ và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong sản xuất kinh doanh, thanh toán số, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử trong doanh nghiệp và triển khai các mô hình kinh tế số gắn với đặc thù của các địa phương.

- Tuyển dụng, thu hút, sắp xếp, bố trí cán bộ có trình độ công nghệ thông tin phụ trách công tác chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công tác chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng các xã, phường; cho các tầng lớp Nhân dân theo các phong trào học tập số, trọng tâm là phong trào “*Bình dân học vụ số*”.

- Xây dựng và triển khai ứng dụng công dân số tỉnh Lào Cai; triển khai các ứng dụng số trong các ngành, lĩnh vực để phục vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân (y tế, giáo dục, văn hóa, thông tin,...). Triển khai các mô hình chuyển đổi số cho cộng đồng (xã, phường, thôn, bản, trường học, trạm y tế số;...).

5. Bảo đảm an toàn thông tin và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Mở rộng phạm vi giám sát của Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng tỉnh đến hệ thống máy tính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn toàn tỉnh. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; hướng dẫn xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất an toàn thông tin theo cấp độ.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số; truyền thông hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia (10/10). Truyền thông về bảo vệ thông tin cá nhân, phòng chống thông tin xấu độc; phòng chống lừa đảo trực tuyến, các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

(Có Phụ lục số 02 kèm theo)

III. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN

Theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dự án/hoạt động công nghệ thông tin, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Lào Cai năm 2026 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách Trung ương; nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương

- Căn cứ Kế hoạch này để xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình. ***Hoàn thành trong tháng 01/2026.***

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, gắn với thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch của đơn vị mình; báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hằng tháng ***trước ngày 20*** với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ).

2. Các cơ quan báo chí, truyền thông

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số; kết quả thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này; tuyên truyền về mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả, điển hình tiêu biểu về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

3. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số

Chủ động có kế hoạch phát triển hạ tầng số, nền tảng số, cung cấp giải pháp công nghệ, dịch vụ số cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Hợp tác và đồng hành với chính quyền các cấp, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2026. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội Doanh nghiệp; Hiệp hội Du lịch tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước khu vực IV;
- FPT, VNPT, Viettel, Mobifone Lào Cai;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và PTTH, Công TTĐT tỉnh;
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, HCQT, HCC, VX, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Hạnh Phúc

PHỤ LỤC 01:
MỤC TIÊU CỤ THỂ VỀ CHUYỂN ĐỔI NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Mục tiêu	Kết quả năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
I	Hạ tầng và nền tảng số				
1	Tỷ lệ phủ sóng mạng di động băng rộng 5G trên dân số	48%	50%	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng thông cố định với tốc độ 01 Gbps/s	42%	50%	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	75%	80%	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh	Có	Có	Công an tỉnh	Công an tỉnh
5	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	50%	60%	Các cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp liên thông dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	60%	70%	Các cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ
II	Nhân lực số				
1	Sở, ban, ngành, xã có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý,	80%	90%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu	Kết quả năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
	điều hành, tác nghiệp chuyên môn nghiệp vụ				
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm giao thông	70%	80%	Các xã, phường	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bảo hiểm xã hội tỉnh
4	Tỷ lệ người dân được phổ cập kỹ năng số		40%	Các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ
III	An toàn thông tin				
1	Tỷ lệ hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Công an tỉnh
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Công an tỉnh
IV	Chính quyền số				
1	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	0.7	0.7	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	50%	60%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ THC được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa TW và địa phương, giữa các cấp chính quyền	70%	80%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
4	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện "Phi tiếp xúc"	70%	100%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Mục tiêu	Kết quả năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	90%	90%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
7	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện	97%	100%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
8	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	92%	100%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
9	Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến	86%	90%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
10	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công	88%	90%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
11	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC, dịch vụ công	72%	80%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
12	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	95%	95%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
13	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử		80%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
14	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử		80%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
V	Kinh tế số				

STT	Mục tiêu	Kết quả năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
1	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	32%	50%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
2	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	9,5%	13%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	10,48	13%	Các địa phương	Sở Công Thương
4	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	80%	85%	Các địa phương	Sở Công Thương
VI	Xã hội số				
1	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử VneID (kích hoạt mức 2)	81%	90%	Các địa phương	Công an tỉnh
2	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	10%	20%	Các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	72%	80%	Các địa phương	Ngân hàng Nhà nước khu vực IV
4	Tỷ lệ người dân có sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID	30%	45%	Các địa phương	Sở Y tế

PHỤ LỤC 02:
BIỂU PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ VỀ CHUYỂN ĐỔI NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
I	Nhận thức số				
1	Thiết kế nội dung truyền thông phù hợp theo từng nhóm đối tượng mục tiêu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ	Thường xuyên	Bộ nội dung truyền thông phân loại theo nhóm đối tượng
2	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường; cơ quan báo chí - truyền thông; doanh nghiệp công nghệ số	Tháng 10/2026	Chuỗi sự kiện, hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia
3	Tuyên truyền về quyền, trách nhiệm của công dân trong kỷ nguyên số; bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn khi tham gia môi trường số	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Các cơ quan báo chí - truyền thông	Thường xuyên	Chương trình, tài liệu, sản phẩm truyền thông
II	Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách				
4	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	Quý I/2026	Kế hoạch chuyển đổi số 2026-2030 của tỉnh được ban hành
5	Ban hành quy chế chia sẻ, kết nối, khai thác và sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	Quý II/2026	Quy chế chia sẻ và khai thác dữ liệu được ban hành

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
6	Ban hành quy chế quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống thông tin	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Quy chế được ban hành
7	Tham mưu ban hành Nghị quyết về chính sách “Trải thảm đỏ” thu hút chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; mô hình “Tổng công trình sư” cho các nhiệm vụ trọng điểm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Nghị quyết được ban hành
8	Tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về Quy định “Ưu tiên mua sắm sản phẩm đổi mới sáng tạo sản xuất tại tỉnh”	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Nghị quyết được ban hành
9	Tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Năm 2026	Nghị quyết được ban hành
10	Tham mưu ban hành Quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Quy định được ban hành
11	Tham mưu ban trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về cơ chế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Nghị quyết được ban hành

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
	thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lào Cai				
12	Tham mưu ban hành Quy định xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Lào Cai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Quy định được ban hành
13	Tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi Sáng tạo thanh, thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Lào Cai	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Nghị quyết được ban hành
14	Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Năm 2026	Quy định được ban hành
15	Tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về hỗ trợ, ưu đãi dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Nghị quyết được ban hành
16	Tham mưu ban hành Quy định Quản lý nhà nước về Sở hữu Công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026 Năm 2026	Quy định được ban hành

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
III	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành				
17	Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh; điều chỉnh phân công thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Sở Nội vụ	Quý I/2026	Quyết định của UBND tỉnh kiện toàn Ban Chỉ đạo tỉnh; Thông báo phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh
18	Xây dựng và ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh	Quý I/2026	Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh
19	Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, đặc biệt là các nhiệm vụ trọng tâm	Ban Chỉ đạo tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở ngành	Thường xuyên	Kết luận, thông báo sau kiểm tra
20	Duy trì cập nhật, khai thác sử dụng Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW phục vụ chỉ đạo, điều hành	Ban Chỉ đạo tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Dữ liệu, báo cáo trên hệ thống
21	Tổng hợp, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo yêu cầu của Trung ương và Tỉnh ủy	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Định kỳ	Báo cáo gửi Trung ương, Tỉnh ủy
22	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp về chuyển đổi số theo Quy chế của Ban Chỉ đạo Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Danh sách kiến nghị được xử lý

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
23	Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số đã quá hạn; xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Sở Nội vụ	Hàng quý	Báo cáo rà soát nhiệm vụ quá hạn
24	Huy động bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Năm 2026	Kế hoạch bố trí nguồn lực
25	Sơ kết, tổng kết công tác chỉ đạo, điều hành chuyển đổi số năm 2026	Ban Chỉ đạo tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Cuối năm 2026	Báo cáo sơ kết, tổng kết
IV	Hạ tầng số và nền tảng số				
26	Rà soát, cập nhật Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh đến năm 2030, bảo đảm phù hợp Chiến lược hạ tầng số quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, doanh nghiệp viễn thông	Quý II/2026	Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh được cập nhật
27	Hoàn thiện các nội dung về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quy hoạch tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND cấp xã	Tháng 2/2026	Nội dung quy hoạch về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được tích hợp vào quy hoạch tỉnh
28	Chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch mở rộng phủ sóng băng rộng cố định, di động 4G, 5G	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông tỉnh	Năm 2026	Kế hoạch triển khai hạ tầng viễn thông trên địa bàn
29	Khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng số dùng chung quốc gia (Mạng TSLCD, Trung tâm dữ liệu quốc gia)	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Tỉnh ủy, Công an tỉnh	Năm 2026	Các hệ thống tỉnh kết nối, vận hành trên hạ tầng dùng chung
30	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Thường xuyên	LGSP vận hành ổn định; danh mục dịch vụ dữ liệu dùng chung

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
31	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành theo quy định	Các sở, ngành	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026	Các CSDL được xây dựng, kết nối, khai thác sử dụng
32	Xây dựng, khai trương Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Quý I/2026	Kho dữ liệu và Cổng dữ liệu mở được khai trương
33	Triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	2026	Nền tảng phân tích dữ liệu vận hành
34	Khai trương Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Quý IV/2026	IOC tỉnh được khai trương, vận hành
35	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh theo hướng điện toán đám mây	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, doanh nghiệp CNTT	Giai đoạn 2026–2030	Trung tâm dữ liệu tỉnh được nâng cấp
36	Triển khai, chuẩn hóa các nền tảng số dùng chung cấp tỉnh (EGOV, Hệ thống thông tin nguồn, IOC, Kho dữ liệu...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan chủ quản hệ thống	2026	Các nền tảng số dùng chung tỉnh được triển khai sử dụng
37	Tiếp nhận, đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL, phần mềm ứng dụng theo kế hoạch của ngành dọc TW	Các sở, ngành		Thường xuyên	Các hệ thống thông tin, CSDL, phần mềm được ngành dọc TW triển khai theo kế hoạch
38	Triển khai nền tảng chính quyền số tỉnh (EGOV)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Quý III/2026	Nền tảng EGOV được khai trương
39	Triển khai ứng dụng công dân số của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Quý II/2026	Ứng dụng công dân số được khai trương, vận hành khai thác sử dụng

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
40	Thí điểm xây dựng mô hình xã thông minh	UBND xã Yên Bình	Sở Khoa học và Công nghệ, sở ngành liên quan	Quý IV/2026	Mô hình được triển khai tại xã Yên Bình
V	Nhân lực số				
41	Rà soát, kiện toàn đầu mối/bộ phận thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I/2026	Danh sách đầu mối phụ trách công tác chuyển đổi số các sở, ngành, địa phương được kiện toàn
42	Bố trí, bảo đảm đủ nhân sự chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về CNTT, chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở ngành	Năm 2026	Tỷ lệ nhân sự CDS đáp ứng yêu cầu
43	Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Năm 2026	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được ban hành và triển khai thực hiện
44	Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về dữ liệu, phân tích dữ liệu, AI, kiến trúc số cho đội ngũ chuyên trách	Sở Khoa học và Công nghệ	Các viện, trường, doanh nghiệp CNTT	Năm 2026	Các lớp đào tạo chuyên sâu được tổ chức
45	Hướng dẫn tổ chức hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã	Quý I/2026	Văn bản hướng dẫn về tổ chức hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng được ban hành
46	Triển khai chương trình phổ cập kỹ năng số cho người dân thông qua nền tảng “Bình dân học vụ số”	Công an tỉnh	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ngành, UBND cấp xã	Năm 2026	Hướng dẫn triển khai học tập; báo cáo kết quả học tập cho từng nhóm đối tượng

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
47	Tổ chức truyền thông, hướng dẫn sử dụng dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp gắn với đào tạo kỹ năng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo và Đài PTTH tỉnh	Thường xuyên	Các chương trình truyền thông
48	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	2026	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng được triển khai
49	Rà soát, đánh giá nhu cầu nhân lực chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Quý IV/2026	Báo cáo dự báo nhu cầu nhân lực số
50	Tổ chức các lớp đào tạo văn bằng công nghệ thông tin trình độ đại học cho cán bộ, công chức, viên chức theo hình thức “vừa học vừa làm”	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành, địa phương; các cơ sở đào tạo	2026	Kế hoạch tuyển sinh
VI	An toàn thông tin				
51	Rà soát, xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành	2026	100% HTTT được phê duyệt cấp độ ATTT
52	Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị vận hành	Hàng năm	Các HTTT trên địa bàn tỉnh được kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch
53	Triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	Đơn vị chủ quản HTTT	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị vận hành	Thường xuyên	Phương án đảm bảo ATTT được triển khai theo kế hoạch
54	Khắc phục kịp thời các lỗ hổng, điểm yếu ATTT được phát hiện qua kiểm tra, giám sát	Đơn vị chủ quản HTTT	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Các lỗ hổng về ATTT được khắc phục

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
55	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các cơ sở dữ liệu quan trọng, CSDL quốc gia, CSDL dùng chung của tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, sở ngành liên quan	Thường xuyên	Hệ thống CSDL vận hành an toàn
56	Triển khai nguyên tắc “an toàn thông tin ngay từ thiết kế” đối với các hệ thống, nền tảng số mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, chủ đầu tư	Năm 2026	Yêu cầu ATTT tích hợp trong hồ sơ dự án
57	Rà soát, chuẩn hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn bảo mật áp dụng thống nhất cho các HTTT cấp tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Bộ yêu cầu ATTT áp dụng thống nhất
58	Giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ mất ATTT đối với các hệ thống thông tin quan trọng	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị vận hành	Thường xuyên	Thông báo, cảnh báo ATTT
59	Tổ chức diễn tập, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cấp tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở ngành	Hằng năm	Kịch bản, biên bản diễn tập
60	Rà soát, đánh giá nhu cầu nhân lực bảo đảm ATTT, an ninh mạng của tỉnh	Công an tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Báo cáo nhu cầu nhân lực ATTT
61	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ATTT, bảo vệ dữ liệu cá nhân cho CBCCVC	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan báo chí	Thường xuyên	Tài liệu, chương trình tuyên truyền
62	Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện trách nhiệm tự bảo vệ dữ liệu, bảo đảm ATTT theo quy định	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Văn bản hướng dẫn, kiểm tra
63	Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu ATTT trong DTI cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	Quý IV/2026	Báo cáo đánh giá chỉ số ATTT
VII	Chính quyền số				

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
64	Rà soát, cập nhật Kế hoạch phát triển Chính quyền số của tỉnh phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Quý I/2026	Kế hoạch Chính quyền số (cập nhật)
65	Tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC gắn với số hóa và tái sử dụng dữ liệu	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành	Năm 2026	Quy trình TTHC được số hóa, chuẩn hóa
66	Rà soát, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, liên thông	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Hệ thống TTHC vận hành ổn định
67	Triển khai định danh, xác thực người dùng DVC trực tuyến thông suốt qua VNeID	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	DVC tích hợp định danh điện tử
68	Bảo đảm 100% TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành	Năm 2026	TTHC xử lý liên thông toàn tỉnh
69	Triển khai quản trị số phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Hệ thống báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành được triển khai
70	Kết nối, khai thác dữ liệu từ Kho dữ liệu, CSDL chuyên ngành phục vụ điều hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Năm 2026	Các bộ dữ liệu dùng cho điều hành
71	Triển khai ứng dụng AI, trợ lý ảo hỗ trợ CBCCVC trong xử lý công việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Năm 2026	Trợ lý ảo phục vụ công vụ
72	Rà soát, bảo đảm Cổng thông tin điện tử tỉnh và trang thành phần đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2026	Cổng TTĐT đạt chuẩn theo quy định

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
73	Công bố và thực hiện kế hoạch dữ liệu mở hằng năm của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Hằng năm	Danh mục và bộ dữ liệu mở
74	Theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính quyền số trong DTI	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Quý IV/2026	Báo cáo đánh giá các chỉ tiêu chính quyền số
VIII	Kinh tế số				
75	Rà soát, cập nhật Kế hoạch phát triển kinh tế số của tỉnh giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Công Thương	Quý I/2026	Kế hoạch phát triển kinh tế số (cập nhật)
76	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Hiệp hội doanh nghiệp	Năm 2026	Doanh nghiệp được hỗ trợ, đánh giá mức độ chuyển đổi số
77	Tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo bộ tiêu chí của Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Năm 2026	Báo cáo đánh giá
78	Khai trương và vận hành Sàn giao dịch khoa học và công nghệ tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Quý IV/2026	Sàn giao dịch KHCN hoạt động
79	Tiếp tục triển khai chương trình phát triển TMĐT tỉnh Lào Cai, bao gồm TMĐT xuyên biên giới giai đoạn 2025-2030	Sở Công Thương	Các sở, ngành	Năm 2026	Chương trình/Kế hoạch được ban hành và thực hiện
80	Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số, thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh được hỗ trợ ứng dụng nền tảng thương mại điện tử

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
81	Triển khai chuyển đổi số trong các ngành kinh tế chủ lực (nông nghiệp, du lịch, logistics...)	Các sở, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Mô hình kinh tế số ngành
82	Thúc đẩy thanh toán số, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử trong doanh nghiệp	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng nhà nước khu vực 4	Năm 2026	Kế hoạch đẩy mạnh triển khai hóa đơn điện tử, thanh toán điện tử
84	Phát triển dữ liệu phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và thị trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Năm 2026	Bộ dữ liệu kinh tế - thị trường được xây dựng và khai thác sử dụng
85	Triển khai thí điểm các mô hình kinh tế số gắn với đặc thù địa phương	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Mô hình kinh tế số thí điểm
86	Theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu kinh tế số trong DTI cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Quý IV/2026	Báo cáo đánh giá các chỉ số kinh tế số
IX	Xã hội số				
87	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển xã hội số của tỉnh giai đoạn 2026–2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Quý I/2026	Kế hoạch phát triển xã hội số được ban hành và thực hiện
88	Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại Trạm Y tế xã, phường	UBND cấp xã	Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	100% hồ sơ bệnh án điện tử được triển khai
89	Triển khai mô hình y tế số, giáo dục số, thư viện số phục vụ người dân	Sở Y tế, Sở GD&ĐT, Sở VH&TT&DL	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Các mô hình xã hội số
90	Tăng cường thanh toán số trong các dịch vụ công, dịch vụ xã hội	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, ngân hàng	Năm 2026	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm/Kết quả
91	Triển khai truyền thông, nâng cao nhận thức về xã hội số, quyền và trách nhiệm của công dân số	Sở VHTT&DL	Sở Khoa học và Công nghệ, báo chí	Thường xuyên	Chương trình truyền thông xã hội số
92	Theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu xã hội số trong DTI cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Quý IV/2026	Báo cáo các chỉ số về xã hội số
93	Xây dựng, nhân rộng các mô hình “xã/thôn/khu dân cư số”	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Mô hình xã/thôn bản số được hình thành